

Số: 102/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 11 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Anh Trịnh Minh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị Phạm Thị Huệ, sinh năm 1984. Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự Anh Trịnh Minh T và chị Phạm Thị H cư trú tại quận Tân Bình có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh T và chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2014 thì anh T và chị H là vợ chồng hợp pháp. Ngày 10/12/2019, anh T và chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03/02/2020, anh T và chị H cùng thỏa thuận:

- Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trịnh Minh K, sinh ngày 17/01/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trịnh Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thực hiện.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung của anh T và chị H là tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí: Anh T và chị H cùng chịu 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Trịnh Minh T và chị Phạm Thị H.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Trịnh Minh K, sinh ngày 17/01/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh Trịnh Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thực hiện.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Phạm Thị H đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, Anh Trịnh Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Minh T và chị Phạm Thị H cùng chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0039669 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 97/2014, quyền số 01/2014, ngày 16/7/2014);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tô Trần Ái Vy